

Bản án số: 86/2026/HS-ST
Ngày 29 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Sửu

Bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-HS ngày 13/5/2026 đối với các bị cáo:

1. **Phùng Văn H**, sinh ngày 20/11/1990 tại xã H, tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026090001955; nơi cư trú: Thôn C, xã H, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phùng Văn H1 và bà Phạm Thị T; có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/01/2026 đến ngày 31/01/2026, bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

2. **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 06/5/1987 tại xã L, tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026087000999; nơi cư trú: Thôn P, xã L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H2; có vợ là Nguyễn Thị N và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/01/2026 đến ngày 31/01/2026, bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

3. **Nguyễn Văn H3**, sinh ngày 13/4/1987 tại xã H, tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026087011088; nơi cư trú: Thôn H, xã H, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Q1 và bà Bùi Thị L; có vợ

là Đỗ Thị Hoa M và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/01/2026 đến ngày 31/01/2026, bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

4. **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 12/9/1989 tại xã H, tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 026089013560; nơi cư trú: Thôn H, xã H, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/01/2026 đến ngày 31/01/2026, bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

5. **Nguyễn Đức Đ1**, sinh ngày 13/8/1984 tại xã Đ, tỉnh Phú Thọ; số CCCD: 025084009741; nơi cư trú: Khu A, xã Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Quý M1 và bà Trần Thị H4; có vợ là Hà Thị H5 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29/01/2026 đến ngày 31/01/2026, bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Phú Thọ, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Đức Đ1, Nguyễn Văn C làm lái xe, lái máy xúc thuê cho công trường khai thác đất tại nhà anh Nguyễn Văn T1. Quá trình khai thác đất, gia đình anh T1 có chài sẵn 01 chiếc chiếu nhựa cũ lên nền đất tại khu vườn phía sau nhà ở của anh T1, mục đích cho mọi người ngồi nghỉ giải lao uống nước. Tối ngày 29/01/2026, gia đình anh T1 tổ chức nấu cơm mời nhóm của H ăn. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm uống rượu ở trong nhà anh T1 xong thì H, Đ, H3, Đ1 và C đi ra vườn chỗ dãi chiếu để uống nước, còn anh T1 và gia đình vẫn ở trong nhà ăn uống, dọn dẹp nhà cửa và cho lợn ăn ở khu vườn phía trước nhà. Khi đang ngồi uống nước, H thấy có 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân để sẵn từ trước ở góc chiếu nhựa nhưng không xác định được ai để nên H nảy sinh ý định đánh bạc, H nói với cả nhóm “*anh em mình làm tý*” - ý là rủ mọi người đánh bạc, Đ, H3, Đ1 và C nghe H nói vậy đều đồng ý. Cả nhóm thống nhất đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng ăn tiền, mức đặt cửa thấp nhất là 50.000 đồng và cao nhất là 500.000 đồng/ván. Các đối tượng sử dụng 52 quân bài từ 2 đến A (Át), mỗi ván người chơi được chia 03 quân bài, tính cao nhất là S1 (tức là có 03 quân bài giống nhau); tiếp đến là Liêng (là có 03 quân bài liền nhau theo hàng dọc); Ảnh (là có 03 quân bài J, Q, K nhưng không thuộc S1 hoặc Liêng); tính điểm là lấy tổng số điểm của 03 quân bài chia cho 10. Nếu trong ván người chơi có số điểm bằng nhau thì so thứ tự từ quân bài cao xuống thấp theo chất Rô, C1, T2, B. Người thắng được toàn bộ số

tiền đặt gà và tiền đã "Tổ". H là người chia ván bài đầu tiên và sau đó lần lượt là những người chơi thắng ván bài tiếp theo. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, anh T1 đi ra chiếu để uống nước thấy các đối tượng đánh bạc nên đã nói "*Các anh không được đánh bạc ở đây, nghỉ đi*". Anh T1 vừa nói xong thì lúc này lực lượng Công an xã H, tỉnh Phú Thọ ập đến bắt quả tang, thu giữ số tiền trên chiếu bạc 10.020.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân (Tứ quân 2 đến Át); 01 chiếu nhựa cũ và tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định.

Quá trình điều tra xác định, khi đánh bạc Phùng Văn H có số tiền 2.400.000 đồng; Nguyễn Văn H3 có 2.400.000 đồng; Nguyễn Văn Đ có 2.220.000 đồng; Nguyễn Đức Đ1 có 1.500.000 đồng; Nguyễn Văn C có 1.500.000 đồng và đều để dưới chiếu sử dụng vào đánh bạc là 10.020.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Văn T1 là chủ nhà, kết quả điều tra xác định: Trước khi đánh bạc các đối tượng không hỏi mượn địa điểm, không nói cho anh T1 biết là đánh bạc tại khu vực đất vườn do anh quản lý và bộ bài tú lơ khơ không biết do đâu mà có. Khi anh phát hiện ra các đối tượng đánh bạc thì anh đã yêu cầu các đối tượng dừng hành vi đánh bạc. Điều đó thể hiện anh T1 không có hành vi giúp sức hay che giấu tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ pháp luật.

*** Vật chứng, tài sản thu giữ:**

+ Số tiền thu trên chiếu 10.020.000 đồng sử dụng vào đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ, phương tiện dùng vào việc đánh bạc và hiện nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 chiếu nhựa cũ dùng vào đánh bạc là của gia đình anh Nguyễn Văn T1, hiện nay không còn giá trị sử dụng, anh T1 không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKS-KV11 ngày 20/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ truy tố các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức Đ1 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức Đ1 phạm tội "Đánh bạc".

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phùng Văn H từ 11 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 22 tháng 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng đến 22 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H3 từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng đến 20 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng đến 20 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ1 từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng đến 20 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận gì. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức Đ1 đã khai nhận toàn bộ

hành vi phạm tội của mình như nội dung Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ đã truy tố. Các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức Đ1 khai nhận:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/01/2026, tại khu đất vườn nhà anh Nguyễn Văn T1 ở thôn N, xã H, tỉnh Phú Thọ, Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Đức Đ1 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi “Liêng” ăn tiền. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an xã H, tỉnh Phú Thọ phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số tiền 10.020.000 đồng trên chiếu bạc; 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân và 01 chiếu nhựa.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ được, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức Đ1 đã phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; có khung hình phạt phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của cộng đồng, gây mất trị an tại địa phương và gây dư luận bất bình trong nhân dân. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc được thua bằng tiền là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khác nhưng vì hám lời, ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Ngoài ra, bị cáo Đ1 còn được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là: Bị cáo có bố mẹ đẻ đều được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba.

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Xét nhân thân, vai trò của các bị cáo trong vụ án, thấy rằng:

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Phùng Văn H có vai trò chính, khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc; các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Đức Đ1 tham gia với vai trò đồng phạm tích cực.

Đối với bị cáo Phùng Văn H: Ngày 05/6/2019, Công an thành phố C, tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng) xử phạt H số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 135/QĐ-XPHC, H đã chấp hành nộp phạt xong ngày 10/6/2019 và đã được xóa tiền sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: Ngày 25/8/2020, Công an huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) xử phạt Đ số tiền 4.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (đất) trái phép theo Quyết định số 110/QĐ-XPHC, Đ đã chấp hành nộp phạt xong ngày 25/8/2020 và đã được xóa tiền sự. Ngày 24/01/2022, Công an huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) xử phạt Đ số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 04/QĐ-XPHC, Đ đã chấp hành nộp phạt xong ngày 27/01/2022 và đã được xóa tiền sự.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Đức Đ1 đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Như vậy, mặc dù trước khi phạm tội, các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ đều đã được xóa tiền sự nhưng trong vụ án này H có vai trò chính, khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc; Đ tham gia với vai trò đồng phạm tích cực nên phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo C, H3, Đ1.

Thấy rằng, trong vụ án cụ thể này, các bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; số tiền dùng vào việc đánh bạc ít; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình nên đáng được khoan hồng và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Thấy rằng, các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Đức Đ1 đều có khả năng tự cải tạo tại địa phương và việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn trên địa bàn và không ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục là đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa cũng như tạo điều kiện giúp các bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm và tiếp tục được lao động để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định các bị cáo đều có công việc có thu nhập do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với họ để nộp ngân sách nhà nước như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 10.020.000 đồng các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân (từ quân 2 đến quân Á) là công cụ, phương tiện dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc nhựa đã cũ dùng vào đánh bạc là của gia đình anh Nguyễn Văn T1, không còn giá trị sử dụng. Anh T1 không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Nguyễn Văn T1 là chủ nhà, kết quả điều tra xác định: Trước khi đánh bạc các đối tượng không hỏi mượn địa điểm, không nói cho anh T1 biết là đánh bạc tại khu vực đất vườn do anh quản lý và bộ bài T3 lơ khơ không biết do đâu mà có. Khi anh phát hiện ra các đối tượng đánh bạc thì anh đã yêu cầu các đối tượng dừng hành vi đánh bạc. Điều đó thể hiện anh T1 không có hành vi giúp sức hay che giấu tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ pháp luật.

[10] Quan điểm về mức hình phạt, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ đề nghị áp dụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức Đ1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức Đ1 phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 11 (Mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 22 (Hai mươi hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H3 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ1 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Đức Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức Đ1 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.020.000 đồng thu trên chiếu các bị cáo sử dụng vào đánh bạc (đã được chuyển vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân (từ quân 2 đến quân Át) và 01 chiếu nhựa đã cũ.

Toàn bộ vật chứng nêu trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng

giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Phú Thọ lập ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phùng Văn H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức Đ1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 11 - Phú Thọ;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh PT;
- CQĐT - CA tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THADS tỉnh PT;
- Phòng THAHS - CA tỉnh PT;
- Các bị cáo;
- UBND xã Hợp Lý, tỉnh PT;
- UBND xã Lập Thạch, tỉnh PT;
- UBND xã Đan Thượng, tỉnh PT;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang